TÒA ÁN NH DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nH dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Nhung**.

2. Ông **Nguyễn Hữu Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nH dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nH dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực LT1, phường TN, quận TN, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Phúc H**, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực LT2, phường Thốt Nốt, quận TN, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày*:

Về quan hệ hôn nH: Bà và ông Nguyễn Phúc H tiến đến hôn nH vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân thị trấn Thốt Nốt, huyện Thốt Nốt (cũ), thành phố Cần Thơ theo số đăng ký 157 ngày 19/5/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai luôn bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi làm hạnh phúc gia đình đổ vỡ, không thể hàn gắn được và vợ chồng ly tH từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình trạng hôn nH không thể kéo dài, tình cảm với ông H không còn nên bà yêu cầu ly hôn.

* *Bị đơn ông Nguyễn Phúc H trình bày*: Về hôn nH ông thống nhất ý kiến trình bày của bà T về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn và nguyên nH mâu thuẫn. Do vậy, qua yêu cầu ly hôn của bà T, ông đồng ý. Ngoài ra, ông yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Về con chung: Ông bà thống nhất xác định có ba con chung tên Nguyễn Phúc T (giới tính: nữ), sinh ngày 22/7/2001; Nguyễn Ngọc H (giới tính: nữ), sinh ngày 20/4/2007 và Nguyễn Phúc H (giới tính: nam), sinh ngày 12/11/2010. Hiện nay con chung Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phúc H do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn ông bà thống nhất giao cả 02 con chung Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phúc H cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Phúc T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà thống nhất xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nH công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phúc H thuận tình ly hôn. Về con chung có 03 con chung tên Nguyễn Phúc T (giới tính: nữ), sinh ngày 22/7/2001; Nguyễn Ngọc H (giới tính: nữ), sinh ngày 20/4/2007 và Nguyễn Phúc H (giới tính: nam), sinh ngày 12/11/2010; giao con chung Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phúc H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không đặt vấn đề giải quyết; Về nợ chung: Ông bà xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Phúc H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] *Về hôn nH:* Xét quan hệ hôn nH của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phúc H là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nH vào năm 2000, có đăng ký

kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nH hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông bà thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng ông bà không khắc phục được. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục tình trạng hôn nH và ông H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà T, ông H thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 55 Luật hôn nH gia đình năm 2014 công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phúc H thuận tình ly hôn.

[3] *Về con chung*: Ông H, bà T có ba con chung tên Nguyễn Phúc T (giới tính: nữ), sinh ngày 22/7/2001; Nguyễn Ngọc H (giới tính: nữ), sinh ngày 20/4/2007 và Nguyễn Phúc H (giới tính: nam), sinh ngày 12/11/2010. Xét hiện nay con chung Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phúc H do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng; các con có nguyện vọng sống với ông H và khi ly hôn ông bà thống nhất giao cả hai con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; Do sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận. Đối với con chung Nguyễn Phúc T đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết; Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Bà T, ông H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà T, ông H xác định không có.

[6] Về án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

1. Về hôn nH: Công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Phúc H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà T, ông H có ba con chung tên Nguyễn Phúc T (giới tính: nữ), sinh ngày 22/7/2001; Nguyễn Ngọc H (giới tính: nữ), sinh ngày 20/4/2007 và Nguyễn Phúc H (giới tính: nam), sinh ngày 12/11/2010. Giao con chung Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phúc H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà T không ai được quyền cản trở. Ông H, bà T được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Đối với con chung Nguyễn Phúc T đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Về án phí Hôn nH và Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí và bà T tự nguyện nộp thay 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cho ông H, tổng cộng số tiền án phí bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0005767 ngày 06/11/2024 được chuyển thành án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND phường Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Đức Hưng **Huỳnh Thị Mỹ Nhung** **Hoàng Thị Kim**